

# NHIỄM HIV TRÊN NHÓM NAM QUAN HỆ TÌNH DỤC ĐỒNG GIỚI TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2014

Trần Thị Ngọc\*, Lý Văn Sơn

*Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thừa Thiên Huế*

## TÓM TẮT

Xác định tỷ lệ nhiễm HIV và kiến thức, thái độ, thực hành phòng, chống HIV của nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tại Thừa Thiên Huế năm 2014. Nghiên cứu định lượng, điều tra cắt ngang ở 200 nam quan hệ tình dục đồng giới đã được triển khai. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ nhiễm HIV của MSM là 1,5%. Độ tuổi 20 - 29 chiếm chủ yếu (68,0%), trình độ cao đẳng - đại học là 62,0%, 24,0% là phổ thông trung học. Độc thân 87,0%, sống với gia đình là 71,0%, 63,5% thích bạn tình nam, quan hệ tình dục lần đầu tiên với bạn tình nam là 74,0%, lý do quan hệ tình dục với bạn tình nam vì tình yêu là 49,3%, vì thỏa mãn tình dục là 43,2%. Quan hệ tình dục với bạn tình nam trong tháng qua là 97,5%. 64,0% có quan hệ tình dục vừa cả đường hậu môn và đường miệng. Chỉ có 31,8% sử dụng duy nhất đường miệng. Hầu hết MSM hiểu biết 3 đường lây (83,5%). MSM có kiến thức đúng về HIV/AIDS là 65,5%. MSM có thái độ tích cực với người nhiễm HIV. MSM có quan hệ tình dục với bạn tình nam trong tháng qua là 97,5% trong đó 31,8% chỉ QHTD qua đường hậu môn. 96,0% đã được nghe nói về HIV. Hầu hết MSM hiểu biết 3 đường lây (83,5%). MSM có kiến thức đúng về HIV/AIDS là 65,5%. MSM có thái độ tích cực với người nhiễm HIV. 35,8% luôn sử dụng bao cao su trong quan hệ tình dục. 49,2% chỉ thỉnh thoảng dùng. 39,5% luôn sử dụng chất bôi trơn, 41,2% chỉ thỉnh thoảng sử dụng, Lý do không sử dụng bao cao su trong quan hệ tình dục do không sẵn có bao cao su chiếm 54,5%. 53,5% MSM đã nhận dịch vụ của chương trình như nhận bao cao su, chất bôi trơn và tư vấn xét nghiệm HIV. Tỷ lệ nhiễm HIV của MSM là 1,5%. Hầu hết MSM hiểu biết 3 đường lây (83,5%). MSM có kiến thức đúng về HIV/AIDS là 65,5%. MSM có thái độ tích cực với người nhiễm HIV. MSM có quan hệ tình dục với bạn tình nam trong tháng qua là 97,5% trong đó 31,8% chỉ QHTD qua đường hậu môn. Luôn sử dụng BCS và chất bôi trơn thấp chủ yếu do không sẵn có. Hầu hết có nhu cầu cung các dịch vụ như cung cấp BCS, chất bôi trơn và tư vấn xét nghiệm HIV. Cung cấp các dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV cho nhóm MSM như bao cao su, chất bôi trơn và xét nghiệm HIV trong tương lai là cần thiết.

**Từ khóa:** Nam quan hệ tình dục đồng giới, bao cao su, chất bôi trơn.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Để nâng cao hiệu quả chương trình can thiệp giảm tác hại trên những nhóm có hành vi nguy cơ cao nhằm góp phần giảm nguy cơ lây nhiễm HIV, cần triển khai các nghiên cứu về tỷ lệ nhiễm và hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV của các nhóm nguy cơ cao. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp những bằng chứng quan trọng để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS của tỉnh. Cho đến nay toàn quốc đã có nhiều nghiên cứu về tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS và kiến thức, thái độ, hành vi ở nhóm đối tượng nghiên cứu

ma túy, phụ nữ bán dâm. Tuy nhiên, tại Thừa Thiên Huế còn ít nghiên cứu về tỷ lệ nhiễm HIV, kiến thức, thái độ, hành vi ở nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm xác định tỷ lệ nhiễm HIV và kiến thức, thái độ, thực hành phòng, chống HIV của nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tại Thừa Thiên Huế năm 2014.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Đối tượng

---

\*Tác giả : Trần Thị Ngọc

Địa chỉ: Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0914172946

Email: ngoockanguru@yahoo.com.vn

Ngày nhận bài: 14/08/2015

Ngày phản biện: 09/10/2015

Ngày đăng bài: 10/11/2015

Đối tượng nghiên cứu là những người nam giới tự nhận là MSM, trên 16 tuổi, đang sống tại địa bàn nghiên cứu, có ít nhất 1 lần quan hệ tình dục với nam giới trong 12 tháng qua và đồng ý tham gia nghiên cứu.

## **2.2 Phương pháp**

### *Thiết kế nghiên cứu*

Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang chọn mẫu thuận tiện

### *Cỡ mẫu*

Ước tính số đối tượng MSM cần điều tra là khoảng 200 người.

### *Cách chọn mẫu*

Căn cứ kết quả về bản đồ địa dư hoạt động của nhóm MSM (2013) xác định các địa điểm điều tra viên tiếp cận đối tượng nghiên cứu và lập danh sách để phỏng vấn, lấy máu. Kết hợp 2 phương thức: Thông qua mạng lưới giáo dục viên đồng đẳng để tiếp cận MSM tại các cơ sở dịch vụ giải trí (quán cà phê, quán karaoke..), đồng thời sử dụng phương pháp “hòn tuyết lăn” từ MSM tiếp cận được yêu cầu giới thiệu tiếp cận các MSM khác. Những người được mời được giải thích rõ mục đích yêu cầu, cách

phỏng vấn, lấy máu. Nếu họ đồng ý tham gia, lập danh sách và hẹn ngày phỏng vấn và lấy máu tại Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS.

## **2.3 Sử lý và phân tích số liệu**

Số liệu sau khi thu thập được nhập và phân tích bằng phần mềm SPSS 11.5.

## **2.4 Đạo đức nghiên cứu**

Nghiên cứu tuân thủ theo nguyên tắc tự nguyện tham gia nghiên cứu của đối tượng, có phần giới thiệu mục đích nghiên cứu, đảm bảo tính bí mật của các thông tin. Tất cả các bộ câu hỏi và các mẫu bệnh phẩm sinh học đều được dán mã số nghiên cứu. Ngoài ra, đối tượng MSM được hỗ trợ tiền phỏng vấn và tiền đi lại.

# **III. KẾT QUẢ**

## **3.1 Các đặc điểm của nam quan hệ tình dục đồng giới tham gia nghiên cứu**

Trong số 200 MSM được điều tra, các nhóm tuổi chiếm đa số là nhóm 20-29 tuổi (68,0%), và 10 - 19 tuổi (27,5%). Với trình độ học vấn cao nhất là CĐ, ĐH (62,0%) và học sinh, sinh viên (56,5%). Đa số trong số họ sống ở thành thị (96,0%).

**Bảng 1. Hoàn cảnh sống, tình trạng hôn nhân, và xu hướng tình dục của nhóm MSM tham gia nghiên cứu**

| Đặc trưng                          | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
|------------------------------------|----------|-----------|
| <b>Tình trạng hôn nhân</b>         |          |           |
| Chưa lập gia đình                  | 174      | 87,0      |
| Đang có vợ                         | 08       | 4,0       |
| Sống chung với bạn tình nam        | 17       | 8,5       |
| Ly dị/ly thân                      | 1        | 0,5       |
| <b>Hiện tại sống với</b>           |          |           |
| Gia đình                           | 142      | 71,0      |
| Vợ/bạn gái                         | 7        | 3,5       |
| Bạn tình nam                       | 17       | 8,5       |
| Một mình                           | 34       | 17,0      |
| <b>Nhóm MSM</b>                    |          |           |
| Bóng kín                           | 195      | 97,5      |
| Bóng lộ                            | 5        | 2,5       |
| <b>Xu hướng tình dục</b>           |          |           |
| Thích bạn tình nam                 | 127      | 63,5      |
| Thích bạn tình nam và nữ           | 73       | 36,5      |
| <b>Đối tượng lần đầu tiên QHTD</b> |          |           |
| Bạn tình nam                       | 148      | 74,0      |
| Bạn tình nữ                        | 47       | 23,5      |
| Phụ nữ bán dâm                     | 5        | 2,5       |
| <b>Lý do QHTD với bạn tình nam</b> |          |           |
| Tiền                               | 1        | 0,6       |
| Thỏa mãn tình dục                  | 64       | 43,2      |
| Tình yêu                           | 73       | 49,3      |
| Tò mò                              | 10       | 6,7       |

Kết quả bảng 1 cho thấy đa số MSM chưa lập gia đình, chủ yếu đang sống với gia đình (71,0%). Phần lớn trong số họ là bóng kín (97,5%). Đa số MSM thích bạn tình nam (63,5%). Lần đầu tiên quan hệ tình dục với bạn tình nam chiếm tỷ lệ cao (74,0%). MSM quan hệ tình dục với bạn tình nam chủ yếu vì tình yêu (49,3%) và thỏa mãn tình dục (43,2%).

### **3.2 Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng, chống HIV của nam quan hệ tình dục đồng giới**

*Kiến thức về phòng, chống HIV/AIDS*

Hầu hết MSM đã từng nghe nói về HIV (96,0%). Có nhiều nguồn cung cấp thông tin như tivi (71,0%), Internet (76,5%), giáo dục viên đồng đẳng (71,5%) và bạn bè (60,5%). Tỷ lệ hiểu biết đường lây truyền tương đối cao (83,5%). MSM có kiến thức đúng về HIV/AIDS và phản đối các quan niệm sai lầm là 65,5%. MSM có kiến thức về các biểu hiện của STIs như tiểu tiện đau buốt (71,0%), chảy mủ bộ phận sinh dục (46,0%) và loét sùi bộ phận sinh dục (42,5%).

*Thái độ đối với người nhiễm HIV*

**Bảng 2. Thái độ đối với người nhiễm HIV của những người tham gia nghiên cứu**

| Đồng ý                                              | Số lượng | Tỷ lệ % |
|-----------------------------------------------------|----------|---------|
| Mua rau từ người bán hàng nhiễm HIV                 | 180      | 90,0%   |
| Chăm sóc người thân bị AIDS (nếu có) trong gia đình | 184      | 92,0%   |
| Thầy/cô giáo nhiễm HIV tiếp tục dạy tại trường      | 175      | 87,5%   |
| Cần giữ bí mật khi gia đình có người nhiễm HIV      | 139      | 69,5%   |

Hầu hết MSM có thái độ tích cực với người nhiễm HIV (bảng 2). 69,5% cho rằng cần giữ bí mật nếu gia đình có người nhiễm HIV.

*Hành vi về phòng chống HIV/AIDS*

**Bảng 3. Quan hệ tình dục, sử dụng bao cao su, và sử dụng ma túy trên nhóm MSM tham gia nghiên cứu**

| Đặc trưng                                      | Số lượng<br>(n=200) | Tỷ lệ (%) |
|------------------------------------------------|---------------------|-----------|
| <b>Có QHTD trong tháng qua với</b>             |                     |           |
| Bạn tình nam                                   | 195                 | 97,0      |
| Vợ/Bạn tình nữ                                 | 26                  | 13,0      |
| <b>Hình thức QHTD với bạn tình nam</b>         |                     |           |
| Đường hậu môn                                  | 62                  | 31,8      |
| Đường miệng                                    | 8                   | 4,1       |
| Đường hậu môn và miệng                         | 125                 | 64,1      |
| <b>Sử dụng BCS trong QHTD với bạn tình nam</b> |                     |           |
| Luôn luôn                                      | 67                  | 35,8      |
| Thỉnh thoảng                                   | 92                  | 49,2      |
| Không bao giờ                                  | 28                  | 14,9      |
| <b>Sử dụng chất bôi trơn</b>                   |                     |           |
| Luôn luôn                                      | 74                  | 39,5      |
| Thỉnh thoảng                                   | 77                  | 41,2      |
| Không bao giờ                                  | 36                  | 19,3      |
| <b>Lý do không sử dụng BCS</b>                 |                     |           |
| Làm giảm cảm giác                              | 32                  | 16,0      |
| Không sẵn có                                   | 109                 | 54,5      |
| Bị dị ứng                                      | 4                   | 2,0       |
| Bạn tình không thích dùng                      | 55                  | 27,5      |
| <b>Đã từng sử dụng ma túy</b>                  |                     |           |
| Có                                             | 7                   | 3,5       |
| Không                                          | 193                 | 96,5      |

Hầu hết MSM có quan hệ tình dục với bạn tình nam trong tháng qua (97,5%) (Bảng 3). Với cả hai hình thức QHTD qua đường hậu môn (31,8%) và đường miệng (4,1%). Trong QHTD qua đường hậu môn, tỷ lệ luôn sử dụng BCS, thỉnh

thoảng dùng BCS và không bao giờ sử dụng BCS tương ứng là 35,8%, 49,2%, và 14,9%. 39,5% các MSM luôn luôn sử dụng chất bôi trơn; và có 19,3% không bao giờ sử dụng chất bôi trơn. Lý do không sử dụng BCS trong QHTD chủ yếu

là không sẵn có (54,5%), bạn tình không thích dùng (27,5%), và làm giảm cảm giác (16,0%). 3,5% người MSM có sử dụng ma túy. MSM đã

từng sử dụng ma túy thì không có trường hợp nào tiêm chích.

*Nhận dịch vụ hỗ trợ và nhu cầu dịch vụ*

**Bảng 4. Nhận dịch vụ hỗ trợ và nhu cầu dịch vụ của những người tham gia nghiên cứu**

| Đặc trưng                      | Số lượng (n=200) | Tỷ lệ (%) |
|--------------------------------|------------------|-----------|
| <b>Nhận dịch vụ hỗ trợ</b>     |                  |           |
| Có                             | 93               | 46,5      |
| Không                          | 107              | 53,5      |
| <b>Các dịch vụ hỗ trợ</b>      |                  |           |
| Cấp phát tờ rơi                | 197              | 98,5      |
| Cấp phát BCS                   | 87               | 43,5      |
| Cấp phát chất bôi trơn         | 69               | 34,5      |
| Khám STIs                      | 5                | 2,5       |
| <b>Nhu cầu dịch vụ của MSM</b> |                  |           |
| Cung cấp BCS                   | 168              | 84,0      |
| Cung cấp chất bôi trơn         | 164              | 82,0      |
| Tư vấn xét nghiệm HIV          | 149              | 74,5      |
| Khám và điều trị STI           | 63               | 31,5      |
| Hỗ trợ tâm lý                  | 55               | 27,5      |
| Dịch vụ thân thiện             | 39               | 19,5      |

53,5% các MSM đã từng nhận các dịch vụ hỗ trợ của chương trình (Bảng 4). MSM tham gia nghiên cứu nhận được tờ rơi, BCS và chất bôi trơn tương ứng là 98,5%, 43,5% và 34,5%. Hầu hết MSM có nhu cầu cung các dịch vụ như cung cấp BCS, chất bôi trơn và tư vấn xét nghiệm HIV.

#### *Tỷ lệ nhiễm HIV*

Trong số 200 người tham gia, chỉ phát hiện 3 người có HIV dương tính. Như vậy, tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm MSM tại Thừa Thiên Huế là 1,5%.

## **IV. BÀN LUẬN**

Tỷ lệ hiện nhiễm trong nhóm MSM năm 2009 tại các thành phố lớn thay đổi từ 10 - 20%. Trong đó, Hà Nội 14% trong nhóm MSM có QHTD nhận tiền và 20% trong nhóm QHTD không nhận tiền. Theo báo cáo kết quả giám sát trọng điểm HIV lồng ghép hành vi trong nhóm

MSM ở Việt Nam năm 2013, tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm MSM là 3,3%, giảm so với năm 2012 (2,3%). Đối với các tỉnh triển khai HSS+, tỷ lệ hiện nhiễm HIV là 1,45%, trong đó tỷ lệ này cao nhất ở Đà Nẵng (2,65%), tiếp đến là Đồng Tháp, Khánh Hòa và Sóc Trăng (2%). Tỉnh Đồng Nai, Hà Tĩnh đều thấp (0,67%) [3-5]. Như vậy tỷ lệ nhiễm HIV trên nhóm MSM tại Thừa Thiên Huế trong nghiên cứu này (1,5%) là thấp.

Độ tuổi trung bình của nhóm MSM là 23, tuổi nhỏ nhất là 17, lớn nhất là 45. Theo báo cáo kết quả giám sát trọng điểm HIV lồng ghép hành vi trong nhóm MSM ở Việt Nam năm 2013, độ tuổi trung bình là 25, tuổi trung bình của các tỉnh dao động trong khoảng 20-27 tuổi [5].

MSM phân bố đều ở các trình độ học vấn, trong đó trình độ CĐ, ĐH chiếm cao nhất (62,0%), sau đó lần lượt là THPT và THCS. Kết quả này khác với nghiên cứu của Tôn Thất Toàn trình độ học vấn của MSM Khánh Hòa chủ yếu là THCS, CĐ, ĐH chiếm tỷ lệ rất thấp

(2,6%) [3].

Đa số MSM sống ở thành thị. MSM chưa lập gia đình chiếm 87,0%. Tỷ lệ chưa lập gia đình của MSM tại Thừa Thiên Huế cao hơn so với nghiên cứu của Tôn Thất Toàn ở Khánh Hòa (83,3%) và nghiên cứu của Vũ Mạnh Lợi tại 6 thành phố Thái Nguyên, Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang, Cần Thơ, thành phố Hồ Chí Minh. Đa số các MSM đang sống với gia đình (71,0%), có 17,0% sống một mình và 8,5% sống với bạn tình nam. Nghiên cứu chúng tôi tương tự nghiên cứu của Tôn Thất Toàn, MSM ở tỉnh Khánh Hòa sống với gia đình chiếm tỷ lệ cao (73,4%) và sống với bạn tình nam là 5,7% [3]. MSM là bóng kín chiếm chủ yếu (97,5%).

Hầu hết MSM đã từng nghe nói về HIV (96,0%), có nhiều nguồn cung cấp thông tin cho MSM, nhưng đa số là ti vi, internet, nhân viên đồng đẳng chiếm tỷ lệ từ 71,0% - 76,5%; người thân, bạn bè là 60,5%; cán bộ y tế chỉ 13,0%. MSM có kiến thức đúng về HIV/AIDS là khá cao so với nghiên cứu đánh giá nhanh năm 2010 cho thấy khi hỏi về 5 câu hỏi liên quan kiến thức đúng và phản đối các quan niệm sai lầm về HIV/AIDS chỉ có 21,8% MSM trả lời đúng cả 5 câu. Tỷ lệ nghiên cứu này cao hơn nhiều so với kết quả nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh của Nguyễn Anh Tuấn và cs cho kết quả có 39,5% mại dâm nam tại thành phố Hồ Chí Minh trả lời đúng 5 câu hỏi đó [4]. Hầu hết MSM có thái độ tích cực với người nhiễm HIV.

Hầu hết (97,5%) MSM có quan hệ tình dục với bạn tình nam trong tháng qua. Có 31,8% có QHTD qua đường hậu môn và 64,1% có QHTD qua đường hậu môn và miệng trong tháng qua. Nghiên cứu chúng tôi khác nghiên cứu Tôn Thất Toàn, MSM có QHTD đường miệng trong 3 tháng qua chiếm tỷ lệ 96,7% và 99,3% MSM có QHTD hậu môn với nam giới không phải trả tiền trong 3 tháng qua [3]. 35,8% nhóm MSM luôn luôn sử dụng BCS; 49,2% chỉ thỉnh thoảng dùng BCS, kết quả chúng tôi cao hơn tỷ lệ MSM ở tỉnh Sóc Trăng sử dụng BCD trong lần QHTD gần nhất là 30%; thấp hơn ở

Đà Nẵng (85%); Kiên Giang (81,7%) và Hà Nội (75,5%) [5].

39,5% các MSM luôn luôn sử dụng chất bôi trơn; 41,2% chỉ thỉnh thoảng dùng chất bôi trơn và có 19,3% không bao giờ sử dụng chất bôi trơn (bảng 21). Khác nghiên cứu Tôn Thất Toàn, MSM có sử dụng chất bôi trơn trong QHTD hậu môn chiếm tỷ lệ 74,5% [3].

Có 54,5% MSM không sử dụng BCS trong QHTD do không sẵn có; 27,5% bạn tình không thích dùng, 16,0% do làm giảm cảm giác, nghiên cứu chúng tôi khác Tôn Thất Toàn, MSM ở tỉnh Khánh Hòa lý do không sử dụng BCS trong QHTD không trả tiền lần gần nhất do không sẵn có chiếm tỷ lệ 44,9% và 31,5% do bạn tình từ chối [3]. Có 3,5% người MSM có sử dụng ma túy và không có trường hợp nào tiêm chích ma túy.

53,5% các MSM đã từng nhận các dịch vụ hỗ trợ của chương trình. Hầu hết MSM có nhu cầu cung các dịch vụ như cung cấp BCS, chất bôi trơn và tư vấn xét nghiệm HIV. Nhu cầu tiếp cận các dịch vụ xã hội là một trong các yếu tố quan trọng giúp MSM thực hiện hành vi đúng trong phòng, chống HIV/AIDS, đặc biệt là tiếp cận với các dịch vụ cung cấp chất bôi trơn và BCS.

## V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ nhiễm HIV của MSM là 1,5%. Hầu hết MSM hiểu biết 3 đường lây (83,5%). MSM có kiến thức đúng về HIV/AIDS là 65,5%. MSM có thái độ tích cực với người nhiễm HIV. MSM có quan hệ tình dục với bạn tình nam trong tháng qua là 97,5% trong đó 31,8% chỉ QHTD qua đường hậu môn. Luôn sử dụng BCS và chất bôi trơn thấp chủ yếu do không sẵn có. Hầu hết có nhu cầu cung các dịch vụ như cung cấp BCS, chất bôi trơn và tư vấn xét nghiệm HIV. Cung cấp các dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV cho nhóm MSM như bao cao su, chất bôi trơn và xét nghiệm HIV trong tương lai là cần thiết nhằm duy trì và làm giảm tỷ lệ nhiễm HIV trên nhóm MSM tại Thừa Thiên Huế.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2006), Kết quả chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/AIDS tại Việt Nam năm 2005 - 2006, NXB Y học, Hà Nội, tr. 19 - 23, 38.
2. Vũ Mạnh Lợi và cộng sự (2009), Tình dục đồng giới nam tại Việt Nam, Sự kỳ thị và hệ quả xã hội, Hà Nội, tr. 72-78.
3. Tôn Thất Toàn (2011), Nghiên cứu tình hình nhiễm HIV ở nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tại tỉnh Khánh Hòa năm 2010, Luận án chuyên khoa cấp II, Đại học Y Dược Huế, tr. 10-67.
4. Nguyễn Anh Tuấn (2004), Các hành vi tình dục và yếu tố ảnh hưởng đến việc lan truyền HIV trong nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tại thành phố Hồ Chí Minh, Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương, Hà Nội, tr. 20 - 35.
5. Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương (2013), Báo cáo kết quả giám sát trọng điểm HIV lồng ghép hành vi trong các nhóm nguy cơ cao ở Việt Nam năm 2012, Hà Nội, tr. 19-68.

## HIV INFECTION IN MEN WHO HAVE SEX WITH MEN IN THUA THIEN HUE PROVINCE IN 2014

**Tran Thi Ngoc, Ly Van Son**

*Thua Thien Hue HIV/AIDS control Centre*

Determine HIV prevalence, learn some characteristics and evaluate the knowledge, attitudes and practices on HIV of men who have sex with men in Thua Thien Hue province in 2014. Quantitative research, descriptive cross-sectional design, surveyed 200 men have sex with men. The results showed that the HIV prevalence among MSM was 1.5 %. Ages 20-29 accounted for the majority (68.0 %), college degrees - Bachelor 62.0 %, 24 % high school pupils and students 56.5 %. Single 87.0 %; living with family 71.0 %; 97.5 % tight ball. 63.5 % prefer a male partner; 36.5 % prefer both male and female sexual partners; first time sex with a male partner 74.0 %; sex with a male partner for love of 49.3 %, 43.2 % sexual satisfaction; sex with a male partner in the last month of 97.5 %; 64 % use both forms of anal intercourse and oral and 31.8 % using anal.

MSM had heard about HIV 96.0 %; 3- way spread knowledge 83.5 %; have correct knowledge about HIV/AIDS is 65.5 %. 87.5 % have a

positive attitude with infected people.

35.8 % always used a condom during sex; 49.2 % only sometimes used condoms. 39.5 % always use a lubricant; 41.2 % only occasionally use a lubricant. 54.5 % do not use condoms due to availability; 53.5 % of MSM had received support services programs provide services needs condoms, lubricants and HIV counseling and testing high percentage ( > 80 % ).

The prevalence of HIV among MSM was 1.5 %. MSM with high levels of education, 49.3 % have sex with a male partner for love, 64 % use both forms of anal intercourse and oral, have correct knowledge about HIV/AIDS is 65.5 %, the rate of use of condoms and lubricant are not available due to low condom and lubricant, are in need of services such as providing condoms, lubricants and counseling HIV testing.

**Keywords:** Men have sex with men, MSM, condom, lubricants.